



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY
MẶC BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 27 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương

Mã chứng khoán: BDG

Trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3755 143 **Fax:** 0274.3755 415

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Thanh Thủy

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán (Báo cáo hợp nhất)
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27 tháng 03 năm 2025 tại đường dẫn <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước

LÊ THỊ THANH THỦY



**CÔNG TY CP MAY MẶC
BÌNH DƯƠNG**

Số: 04/CBTT-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**

- Mã chứng khoán: **BDG**
- Địa chỉ: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.3755 143 Fax: 0274.3755 415
- Email: thuy.ltt@protrade.com.vn
- Website: <http://www.protradegarment.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐

Có

☐

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒

Có

☐

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒

Có

☐

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐

Có

☒

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐

Có

☐

Không

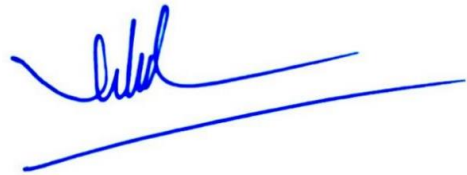
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/03/2025 tại đường dẫn: <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán (Báo cáo hợp nhất)
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với năm trước.

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT



LÊ THỊ THANH THỦY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNGSố 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Quân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng ban
Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phan Thành Đức - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Chi nhánh Công ty TNHH Hạng Kiểm toán AASC

Giám đốc

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Lê Trường Long

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

Số: 5480-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		892.610.103.449	762.014.891.824
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	04	48.862.200.008	69.598.955.414
111	1. Tiền		33.862.200.008	69.598.955.414
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	05	265.402.054.405	166.744.272.248
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		265.402.054.405	166.744.272.248
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		283.259.843.690	222.761.345.790
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	06	264.878.083.754	210.899.208.203
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	07	2.854.723.972	5.091.815.541
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	15.770.829.138	7.101.865.220
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(243.793.174)	(331.543.174)
140	IV. Hàng tồn kho	10	235.196.575.141	257.014.934.641
141	1. Hàng tồn kho		235.196.575.141	257.014.934.641
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		59.889.430.205	45.895.383.731
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.969.040.286	2.707.839.765
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		56.714.019.747	42.981.173.737
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	206.370.172	206.370.229
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		240.012.748.511	249.693.595.113
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		201.733.066	401.733.066
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	201.733.066	401.733.066
220	II. Tài sản cố định		186.258.390.439	196.143.972.823
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	185.293.709.231	194.744.507.438
222	- Nguyên giá		534.316.422.805	512.534.834.858
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(349.022.713.574)	(317.790.327.420)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	964.681.208	1.399.465.385
228	- Nguyên giá		9.414.714.111	9.414.714.111
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.450.032.903)	(8.015.248.726)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	210.649.100
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	210.649.100
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	05	3.000.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		50.552.625.006	52.937.240.124
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	34.432.924.801	34.594.132.994
269	2. Lợi thế thương mại	14	16.119.700.205	18.343.107.130
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>1.132.622.851.960</u>	<u>1.011.708.486.937</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		480.502.349.514	464.813.993.284
310	I. Nợ ngắn hạn		429.780.680.408	371.344.800.413
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	124.773.367.951	131.499.125.452
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	19.898.179.112	17.191.971.013
314	3. Phải trả người lao động		88.591.516.135	81.138.037.872
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	202.873.889	551.751.772
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.383.861.511	3.117.896.127
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	184.271.067.012	133.843.189.327
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.659.814.798	4.002.828.850
330	II. Nợ dài hạn		50.721.669.106	93.469.192.871
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	35.922.178.558	71.422.178.558
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32	14.799.490.548	22.047.014.313
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		652.120.502.446	546.894.493.653
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	652.120.502.446	546.894.493.653
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		247.999.200.000	247.999.200.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		247.999.200.000	247.999.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	(1.135.037.967)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		83.301.072.046	59.369.394.731
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		288.941.796.108	220.108.953.996
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		124.666.351.653	95.027.882.467
421b	LNST chưa phân phối năm nay		164.275.444.455	125.081.071.529
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		31.748.100.033	20.421.648.634
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.132.622.851.960	1.011.708.486.937

Người lập

Lê Văn Đông

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.821.385.866.875	1.565.802.348.007
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	4.856.209.191	5.877.210.206
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.816.529.657.684	1.559.925.137.801
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.504.153.889.016	1.293.751.936.222
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		312.375.768.668	266.173.201.579
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	55.484.199.526	43.257.347.169
22	7. Chi phí tài chính	26	41.118.135.008	35.982.525.942
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.845.150.484	17.051.343.034
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	17.171.901.229	19.846.457.680
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	105.913.552.852	96.647.787.314
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		203.656.379.105	156.953.777.812
31	12. Thu nhập khác	29	6.871.619.190	8.322.902.684
32	13. Chi phí khác	30	217.525.047	6.846.247.986
40	14. Lợi nhuận khác		6.654.094.143	1.476.654.698
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		210.310.473.248	158.430.432.510
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	41.924.287.275	32.308.102.363
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	(7.247.523.765)	3.561.018.222
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		175.633.709.738	122.561.311.925
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		164.275.444.455	123.382.071.529
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.358.265.283	(820.759.604)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	6.624	4.975

Người lập

Lê Văn Đông

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy



Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc

Phan Thành Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		210.310.473.248	158.430.432.510
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		35.061.474.160	38.015.014.972
03	- Các khoản dự phòng		(87.750.000)	87.750.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		308.115.203	1.682.374.620
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.416.738.116)	(9.250.273.564)
06	- Chi phí lãi vay		11.845.150.484	17.051.343.034
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		248.020.724.979	206.016.641.572
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(74.855.135.060)	(26.488.282.089)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		21.818.359.500	17.869.261.154
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.017.845.689)	(2.750.189.513)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.090.889.232)	1.981.679.901
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.904.963.971)	(17.120.849.470)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.704.294.284)	(62.606.904.093)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.719.101.113)	(14.863.775.524)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		139.546.855.130	102.037.581.938
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(21.750.938.847)	(6.444.967.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		13.636.364	441.978.587
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(197.867.782.157)	(119.329.980.549)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		96.210.000.000	72.180.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(15.291.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)		(31.813.884)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.035.610.813	5.319.526.136
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(112.391.287.711)	(63.123.943.735)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.673.471.992.286	1.331.435.944.206
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.659.452.586.345)	(1.393.550.552.235)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.993.806.450)	(74.394.997.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(47.974.400.509)	(136.509.605.679)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(20.818.833.090)	(97.595.967.476)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		69.598.955.414	167.291.649.573
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		82.077.684	(96.726.683)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	04	48.862.200.008	69.598.955.414

(*) Đây là khoản Công ty được hoàn lại do Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry giải thể trong năm 2024. Tổng tài sản của Công ty Protrade Laundry tại ngày giải thể là 15.588.803.000 VND, Công ty nhận được số tiền là 15.556.989.116 VND tương ứng với 99,8% cổ phần, trong đó số tiền 14.950.000.000 VND Công ty đã nhận từ những năm trước, theo dõi trên Khoản phải trả ngắn hạn khác tại Báo cáo tài chính riêng, phần còn lại Công ty nhận trong năm 2024 là 606.989.116 VND, chi trả cho cổ đông không kiểm soát là 31.813.884 VND.

Người lập

Lê Văn Đông

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 247.999.200.000 đồng; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty đang hoàn tất các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi tăng vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.367 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 2.293 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ngành dệt may phục hồi nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại sau giai đoạn suy giảm, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản. Các hiệp định thương mại tự do giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, các đơn hàng tăng trở lại từ nửa cuối năm 2024, góp phần thúc đẩy tăng trưởng. Điều này ảnh hưởng tích cực tới hoạt động kinh doanh tại Công ty, cụ thể: doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 256,604 tỷ VND (tương đương 16,45%), giá vốn hàng bán tăng 210,401 tỷ VND (tương đương 16,26%) làm lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 46,202 tỷ VND (tương đương 17,36%) so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Tỉnh Bình Dương	76,08%	76,08%	Wash

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính chi phí phải trả
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 25 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.
- Chi phí thuê đất, thuê chung cư được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác là chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6823227811 chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 02 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp, công ty được hưởng ưu đãi về địa bàn ưu đãi đầu tư như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu. Năm 2024 là năm thứ sáu Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty mẹ và các Công ty con được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Tại Công ty mẹ: hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.
- Tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang: Giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án và đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . GIẢI THỂ CÔNG TY CỔ PHẦN PROTRADE LAUNRY

Ngày 13/09/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đã ra thông báo về việc giải thể/chấm dứt tồn tại của Công ty Cổ phần Protrade Launry. Theo đó, căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2024 của Công ty Cổ phần Protrade Launry về việc phân chia tài sản còn lại cho cổ đông sau giải thể, Công ty nhận được số tiền là 15.556.989.116 VND tương ứng với 99,8% cổ phần tại Công ty Protrade Launry. Việc giải thể Công ty Cổ phần Protrade Launry không làm phát sinh lãi/lỗ trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	543.655.479	273.424.055
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.318.544.529	69.325.531.359
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
	48.862.200.008	69.598.955.414

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 40 ngày có giá trị 15.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 4,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	265.402.054.405	-	166.744.272.248	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	265.402.054.405	-	166.744.272.248	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	3.000.000.000	-	-	-
	268.402.054.405	-	166.744.272.248	-

⁽¹⁾ Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,0%/năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 46.862.054.405 VND. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 15).

⁽²⁾ Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,1%/năm và đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 15).

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân ⁽³⁾	-	-	13,19	-	-	13,19
	-	-		-	-	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽³⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Rerv Inc Dba Rock Revival	86.685.444.918	-	85.599.444.400	-
- Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)	89.960.970.560	-	43.429.090.377	-
- Olymp Bezner Kg Hopfighemer	39.118.367.575	-	31.952.656.057	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	49.113.300.701	-	49.918.017.369	-
	264.878.083.754	-	210.899.208.203	-

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Dương Minh Phát	782.720.380	-	-	-
- Foshan Seazon Textile and Garment Co., LTD	520.456.781	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tiến Phát Tài	405.358.880	-	-	-
- Gerber Scientific International LTD	357.461.103	-	-	-
- Công ty TNHH PCCC Thanh Tùng	-	-	3.660.371.640	-
- Trả trước các đối tượng khác	788.726.828	-	1.431.443.901	(87.750.000)
	2.854.723.972	-	5.091.815.541	(87.750.000)

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về tạm ứng	2.145.465.234	-	406.630.068	-
- Ký cược, ký quỹ	7.762.877.252	-	20.000.000	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.622.521.192	-	1.017.250.622	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.722.923.493	-	5.355.432.554	-
- Phải thu khác	517.041.967	(243.793.174)	302.551.976	(243.793.174)
	15.770.829.138	(243.793.174)	7.101.865.220	(243.793.174)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	201.733.066	-	401.733.066	-
	201.733.066	-	401.733.066	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Nam Việt	123.343.174	-	123.343.174	-
+ Các đối tượng khác	120.450.000	-	208.200.000	-
	243.793.174	-	331.543.174	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	7.107.890.989	-	21.306.197.277	-
Nguyên liệu, vật liệu	105.874.057.956	-	97.532.393.503	-
Công cụ, dụng cụ	3.460.425.285	-	2.882.540.926	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	112.572.484.419	-	110.704.749.324	-
Thành phẩm	6.181.716.492	-	14.459.623.139	-
Hàng hoá	-	-	3.364.072	-
Hàng gửi đi bán	-	-	10.126.066.400	-
	235.196.575.141	-	257.014.934.641	-

Trong đó, giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 31/12/2024. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 15) .

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	133.619.272.089	309.113.592.068	47.743.591.885	12.282.454.561	9.775.924.255	512.534.834.858
- Mua trong năm	-	2.773.689.354	345.182.000	934.200.000	-	4.053.071.354
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	138.429.292	17.770.087.301	-	-	-	17.908.516.593
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(180.000.000)	-	-	(180.000.000)
Số dư cuối năm	133.757.701.381	329.657.368.723	47.908.773.885	13.216.654.561	9.775.924.255	534.316.422.805
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	70.191.667.007	208.079.073.083	25.107.248.046	11.931.030.322	2.481.308.962	317.790.327.420
- Khấu hao trong năm	4.661.695.292	22.273.463.695	2.023.642.775	247.764.636	2.205.819.756	31.412.386.154
- Phân loại lại	117.074.330	9.193.523	1.494.323.466	(5.608.084)	(1.614.983.235)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(180.000.000)	-	-	(180.000.000)
Số dư cuối năm	74.970.436.629	230.361.730.301	28.445.214.287	12.173.186.874	3.072.145.483	349.022.713.574
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	63.427.605.082	101.034.518.985	22.636.343.839	351.424.239	7.294.615.293	194.744.507.438
Tại ngày cuối năm	58.787.264.752	99.295.638.422	19.463.559.598	1.043.467.687	6.703.778.772	185.293.709.231

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 56.112.604.917 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 107.878.894.472 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	8.884.714.111	9.414.714.111
Số dư cuối năm	530.000.000	8.884.714.111	9.414.714.111
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	530.000.000	7.485.248.726	8.015.248.726
- Khấu hao trong năm	-	434.784.177	434.784.177
Số dư cuối năm	530.000.000	7.920.032.903	8.450.032.903
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	1.399.465.385	1.399.465.385
Tại ngày cuối năm	-	964.681.208	964.681.208

Trong đó, nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.204.540.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.409.668.983	2.027.503.019
- Chi phí bảo hiểm tài sản	215.758.243	404.719.410
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	343.613.060	275.617.336
	2.969.040.286	2.707.839.765
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	68.229.649	1.119.355.750
- Chi phí tiền thuê đất (*)	32.369.298.694	33.360.195.598
- Chi phí sửa chữa lớn	1.895.330.518	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	100.065.940	114.581.646
	34.432.924.801	34.594.132.994

(*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 21a.

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	39.483.074.033	39.483.074.033
- Giảm do Công ty con giải thể	(17.249.004.784)	-
Số dư cuối năm	22.234.069.249	39.483.074.033
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	21.139.966.903	18.916.559.978
- Số phân bổ, tổn thất trong năm	2.223.406.925	2.223.406.925
- Giảm do Công ty con giải thể	(17.249.004.784)	-
Số dư cuối năm	6.114.369.044	21.139.966.903
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	18.343.107.130	20.566.514.055
Số dư cuối năm	16.119.700.205	18.343.107.130

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	99.843.189.327	99.843.189.327	1.673.471.992.286	1.624.544.114.601	148.771.067.012	148.771.067.012
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	58.998.995.408	58.998.995.408	324.847.528.270	343.668.499.291	40.178.024.387	40.178.024.387
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	24.430.410.734	24.430.410.734	356.329.161.854	323.268.529.963	57.491.042.625	57.491.042.625
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	16.413.783.185	16.413.783.185	992.295.302.162	957.607.085.347	51.102.000.000	51.102.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	34.000.000.000	34.000.000.000	35.500.000.000	34.000.000.000	35.500.000.000	35.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	34.000.000.000	34.000.000.000	35.500.000.000	34.000.000.000	35.500.000.000	35.500.000.000
	133.843.189.327	133.843.189.327	1.708.971.992.286	1.658.544.114.601	184.271.067.012	184.271.067.012
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	105.422.178.558	105.422.178.558	-	34.000.000.000	71.422.178.558	71.422.178.558
	105.422.178.558	105.422.178.558	-	34.000.000.000	71.422.178.558	71.422.178.558
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.000.000.000)	(34.000.000.000)	(35.500.000.000)	(34.000.000.000)	(35.500.000.000)	(35.500.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	71.422.178.558	71.422.178.558			35.922.178.558	35.922.178.558

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**15 . CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm (*)	Mục đích vay	31/12/2024	
					USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					670.620,43	40.178.024.387
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 24.4882147/2024-HĐCVHM/NHCT900-MMBD ngày 21/11/2024 kèm theo Phụ lục số 24.4882147/2024-HĐCVHM-SĐBS1/NHCT900-MMBD ngày 02/01/2025	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 02/01/2025 đến ngày 20/11/2025	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho luân chuyển và nguồn thu luân chuyển	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	670.620,43	17.135.022.607
- Hợp đồng cho vay hạn mức Số 24.3150029/2024-HĐCVHM/NHCT900-PTTT ngày 06/08/2024	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng Giấy nhận nợ nhưng không quá năm (05) tháng/Giấy nhận nợ	- Hợp đồng bảo đảm số 19.2110081/2019/HĐBĐ/NHCT900-PTTHOITRANG; - Hợp đồng bảo đảm số 21.3150118/2021/HĐBĐ/NHCT900; - Hợp đồng bảo đảm số 21.3150067/2021/HĐBĐ/NHCT90098-PTTHOITRANG.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và gia công các sản phẩm may mặc	-	23.043.001.780
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					2.250.050,59	57.491.042.625
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 057B24-MBD ngày 15/07/2024	3,4%/năm	Từ ngày 15/07/2024 đến ngày 14/07/2025	- Thẻ chấp hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh; - Thẻ chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại/quyền đòi nợ từ các đối tác; - Thẻ chấp tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 28.534 triệu đồng.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	2.250.050,59	57.491.042.625
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					2.000.000,00	51.102.000.000
- Hợp đồng tín dụng số 01/2024/4675359/HĐTĐ ngày 04/09/2024	Theo từng giấy nhận nợ	Từ ngày 04/09/2024 đến ngày 31/08/2025	Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ, bảo lãnh, mở L/C	2.000.000,00	51.102.000.000

148.771.067.012

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

15 . CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm (*)	Mục đích vay	31/12/2024	
					USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
- Hợp đồng cho vay dự án số 18.211.0067/2018 -HDCVDADT-SDBS09/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 26/10/2021	Lãi suất ngày được điều chỉnh 03 tháng một lần hàng năm	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;	Tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án, Máy móc thiết bị thuộc dự án	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc sản xuất Jean và phát triển thời trang quy mô 5,75 triệu sản phẩm/năm tại Lô số 20-8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	-	71.422.178.558
						<u><u>71.422.178.558</u></u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(35.500.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						<u><u>35.922.178.558</u></u>

(*) Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNGSố 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.558.375.258	1.558.375.258	273.667.425	273.667.425
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	1.523.449.368	1.523.449.368	273.667.425	273.667.425
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	34.925.890	34.925.890	-	-
Bên khác	123.214.992.693	123.214.992.693	131.225.458.027	131.225.458.027
- Olymp Bezner KG Hopfighemer	13.816.528.486	13.816.528.486	3.231.829.494	3.231.829.494
- Công ty Cổ phần May thuê Phát Đạt	5.585.442.230	5.585.442.230	13.683.066.923	13.683.066.923
- Công ty TNHH Dệt Tường Long	21.861.747.743	21.861.747.743	16.045.142.525	16.045.142.525
- Grandian Hong Kong Co., Ltd	7.318.393.844	7.318.393.844	9.286.206.074	9.286.206.074
- Esquel Enterprises Limited	2.108.536.208	2.108.536.208	11.826.947.317	11.826.947.317
- Phải trả các đối tượng khác	72.524.344.182	72.524.344.182	77.152.265.694	77.152.265.694
	124.773.367.951	124.773.367.951	131.499.125.452	131.499.125.452

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	202.873.889	262.687.376
- Chi phí phải trả khác	-	289.064.396
	202.873.889	551.751.772

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.981.453.516	1.452.868.701
- Bảo hiểm xã hội	146.419.395	808.193.248
- Bảo hiểm y tế	245.916.514	218.764.251
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.755.900	4.762.350
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	999.316.186	633.307.577
	3.383.861.511	3.117.896.127

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.332.665.130	15.937.831.873	17.096.428.617	-	1.174.068.386
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.282.649.215	1.282.649.215	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.495.340	14.356.232.900	41.924.287.275	37.704.294.284	171.495.340	18.576.225.891
- Thuế thu nhập cá nhân	34.874.889	500.062.718	6.327.694.563	6.679.872.389	34.874.832	147.884.835
- Các loại thuế khác	-	3.010.265	33.441.673	36.451.938	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	89.891.000	89.891.000	-	-
	206.370.229	17.191.971.013	65.595.795.599	62.889.587.443	206.370.172	19.898.179.112

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	247.999.200.000	130.334.259	(1.135.037.967)	-	257.214.754.162	23.108.209.003	527.317.459.457
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	123.382.071.529	(820.759.604)	122.561.311.925
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	59.369.394.731	(59.369.394.731)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.873.878.946)	-	(11.873.878.946)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(1.978.979.824)	-	(1.978.979.824)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(74.399.760.000)	-	(74.399.760.000)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con trong năm	-	-	-	-	(13.424.057.723)	(1.866.942.277)	(15.291.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	558.199.529	1.141.512	559.341.041
Số dư tại ngày 31/12/2023	247.999.200.000	130.334.259	(1.135.037.967)	59.369.394.731	220.108.953.996	20.421.648.634	546.894.493.653
Số dư tại ngày 01/01/2024	247.999.200.000	130.334.259	(1.135.037.967)	59.369.394.731	220.108.953.996	20.421.648.634	546.894.493.653
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	164.275.444.455	11.358.265.283	175.633.709.738
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	23.931.677.315	(23.931.677.315)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.179.503.195)	-	(7.179.503.195)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(1.196.583.866)	-	(1.196.583.866)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(61.999.800.000)	-	(61.999.800.000)
Điều chỉnh giảm do Công ty con đã hoàn tất thủ tục giải thể	-	-	1.135.037.967	-	(1.135.037.967)	(31.813.884)	(31.813.884)
Số dư tại ngày 31/12/2024	247.999.200.000	130.334.259	-	83.301.072.046	288.941.796.108	31.748.100.033	652.120.502.446

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	23.931.677.315
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.179.503.195
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1.196.583.866
Chi trả cổ tức (Tương ứng 25% vốn điều lệ)	61.999.800.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	47,71	118.314.180.000	47,71	118.314.180.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,02	96.775.800.000	39,02	96.775.800.000
- Cổ đông khác	13,27	32.909.220.000	13,27	32.909.220.000
	100	247.999.200.000	100	247.999.200.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	247.999.200.000	247.999.200.000
- Vốn góp cuối năm	247.999.200.000	247.999.200.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.762.350	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	61.999.800.000	74.399.760.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước	61.999.800.000	74.399.760.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	61.993.806.450	74.394.997.650
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các năm trước	61.993.806.450	74.394.997.650
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	10.755.900	4.762.350

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.799.920	24.799.920
- Cổ phiếu phổ thông	24.799.920	24.799.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.799.920	24.799.920
- Cổ phiếu phổ thông	24.799.920	24.799.920
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	83.301.072.046	59.369.394.731
	83.301.072.046	59.369.394.731

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa,
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024 tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.435.000.000	2.335.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	10.165.250.000	9.950.000.000
- Trên 5 năm	14.085.050.000	16.735.300.000
	26.685.300.000	29.020.300.000

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018 và phụ lục số 01 ngày 26/08/2024. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê tài sản hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	2.656.500.000	1.199.462.837
- Trên 1 năm đến 5 năm	12.022.339.000	3.862.187.086
- Trên 5 năm	17.734.331.000	1.145.093.858
	32.413.170.000	6.206.743.781

Công ty ký hợp đồng thuê chung cư số 22/HĐ-IMPCO ngày 28/12/2022 và phụ lục số 01 ký ngày 26/08/2024 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương tại Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2024, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không hủy ngang theo các thời hạn được

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.244.250.000	1.185.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	5.631.017.500	5.362.873.500
- Trên 5 năm	8.774.776.000	10.287.170.000
	15.650.043.500	16.835.043.500

Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê đất số PICL/SLA.60 ngày 20/02/2018 với Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Protrade tại đường số 8B, số 7, Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2018 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 49.227,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	ĐVT	31/12/2024		01/01/2024	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
Vải các loại	Yard	109.279,09	Bình thường	161.567,41	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ (USD)	988.126,72	1.803.111,46
- Đồng Euro (EUR)	3.795,00	-

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.759.185.815.948	1.472.411.321.844
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	59.836.311.984	92.034.707.175
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	2.351.285.319	1.356.318.988
Doanh thu khác	12.453.624	-
	1.821.385.866.875	1.565.802.348.007

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	4.856.209.191	5.877.210.206
	4.856.209.191	5.877.210.206

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.435.459.536.366	1.202.953.815.117
Giá vốn dịch vụ gia công	60.969.149.765	88.115.785.946
Giá vốn của nguyên liệu, phế liệu đã bán	7.725.202.885	2.682.335.159
	1.504.153.889.016	1.293.751.936.222

Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39).

	6.468.025.936	5.763.845.462
--	----------------------	----------------------

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.403.101.752	8.810.798.063
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	46.080.691.854	34.404.208.324
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	405.920	544.920
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	41.795.862
	55.484.199.526	43.257.347.169

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.845.150.484	17.051.343.034
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	28.964.463.401	17.248.263.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	308.521.123	1.682.919.540
	41.118.135.008	35.982.525.942

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	5.041.055.094	4.839.698.381
Chi phí nhân công	1.008.850.554	828.462.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.309.632	46.309.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.040.290.040	13.991.505.524
Chi phí khác bằng tiền	35.395.909	140.481.644
	17.171.901.229	19.846.457.680

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng quản lý	3.224.743.037	2.621.693.552
Chi phí nhân công	76.037.316.824	74.643.949.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.433.781.547	1.689.821.422
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập) dự phòng	(87.750.000)	87.750.000
Thuế, phí, lệ phí	4.196.354.049	4.618.987.512
Phân bổ lợi thế thương mại	2.223.406.925	2.223.406.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.572.270.067	7.614.905.686
Chi phí khác bằng tiền	4.313.430.403	3.147.272.260
	105.913.552.852	96.647.787.314
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39).	262.056.216	108.603.057

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	13.636.364	439.475.501
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ	41.709.525	20.744.270
Tiền hỗ trợ hàng mẫu	3.021.622.367	3.209.843.414
Tiền bồi thường nhận được	3.290.722.382	4.382.201.897
Thu nhập khác	503.928.552	270.637.602
	6.871.619.190	8.322.902.684

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	110.474.283	6.533.476.820
Chi phí khác	107.050.764	312.771.166
	217.525.047	6.846.247.986

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	41.924.287.275	32.308.102.363
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	41.924.287.275	32.308.102.363

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	14.799.490.548	22.047.014.313
	14.799.490.548	22.047.014.313

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(7.247.523.765)	3.561.018.222
	(7.247.523.765)	3.561.018.222

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	164.275.444.455	123.382.071.529
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	164.275.444.455	123.382.071.529
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	24.799.920	24.799.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.624	4.975

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	907.518.110.922	775.848.539.956
Chi phí nhân công	449.469.534.842	398.666.628.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.838.067.235	35.791.608.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.478.871.182	185.531.271.543
Chi phí khác bằng tiền	17.402.122.774	8.585.235.194
Chi phí dự phòng	-	87.750.000
	1.601.706.706.955	1.404.511.033.348

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.318.544.529	-	-	48.318.544.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	280.405.119.718	201.733.066	-	280.606.852.784
Các khoản cho vay	265.402.054.405	3.000.000.000	-	268.402.054.405
	594.125.718.652	3.201.733.066	-	597.327.451.718
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	69.325.531.359	-	-	69.325.531.359
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.757.280.249	401.733.066	-	218.159.013.315
Các khoản cho vay	166.744.272.248	-	-	166.744.272.248
	453.827.083.856	401.733.066	-	454.228.816.922

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Các khoản vay	184.271.067.012	35.922.178.558	-	220.193.245.570
Phải trả người bán, phải trả khác	128.157.229.462	-	-	128.157.229.462
Chi phí phải trả	202.873.889	-	-	202.873.889
	312.631.170.363	35.922.178.558	-	348.553.348.921
Tại ngày 01/01/2024				
Các khoản vay	133.843.189.327	71.422.178.558	-	205.265.367.885
Phải trả người bán, phải trả khác	134.617.021.579	-	-	134.617.021.579
Chi phí phải trả	551.751.772	-	-	551.751.772
	269.011.962.678	71.422.178.558	-	340.434.141.236

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.673.471.992.286	1.331.435.944.206
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.659.452.586.345	1.393.550.552.235

37 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 thông qua kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2024 với mức không quá 3,5%/lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2024, Công ty thực hiện tạm trích và ghi nhận thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký cho năm 2024 vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi tiết như sau:

	Năm 2024
	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (không bao gồm thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2023):	165.044.137.196
Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2024 tạm tính (3,5%/lợi nhuận sau thuế):	5.776.544.802

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Protrade Laundry	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Sân Golf Palm-Sông Bé	Doanh nghiệp do ông Nguyễn An Định - Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH YCH - Protrade	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hưng Vương	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Doanh nghiệp do ông Lê Trọng Nghĩa - Trưởng ban kiểm soát Công ty làm Thành viên Ban kiểm soát
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – CN Quận 7	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Giám đốc
Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya (SBBS)	Doanh nghiệp do ông Hứa Tuấn Cường - Thành viên Ban kiểm soát Công ty làm Trưởng ban kiểm soát
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	6.468.025.936	5.763.845.462
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư Và Quản Lý Dự Án Bình Dương	6.050.000.000	5.368.285.573
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Hợp Thuận An	338.596.726	370.369.319
- Công ty TNHH YCH - Protrade	79.429.210	25.190.570
Chi trả cổ tức	47.728.545.000	64.526.994.000
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	29.578.545.000	35.494.254.000
- Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	18.150.000.000	29.032.740.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	262.056.216	108.603.057
- Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	262.056.216	108.603.057

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập tại Công ty mẹ	
		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
		9.218.237.197	9.380.273.773
- Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	771.394.000	1.211.179.000
- Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	578.546.000	908.385.000
- Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	385.697.000	605.590.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	385.697.000	605.590.000
- Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	2.359.606.129	2.095.727.310
- Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	2.177.859.146	1.962.923.463
- Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc thường trực (Bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	1.659.477.922	605.590.000
- Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	385.697.000	505.443.000
- Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên Ban kiểm soát	308.558.000	505.443.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên Ban kiểm soát	205.705.000	-
- Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25/03/2022)	-	262.082.000
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)	-	112.321.000

Ngoài các giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập

Lê Văn Đông

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Thùy

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2025

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm
toán tăng 43% so với năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đăng ký giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274.3755143 Fax: 0274.3755415
- Email: thuy.ltt@protrade.com.vn
- Mã chứng khoán: **BDG**
- Căn cứ Thông tư 196/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

❖ Công ty giải trình về mức tăng lợi nhuận sau thuế so với năm trước như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	Tăng/(giảm)	
				Số tiền (đồng)	%
1	Lợi nhuận sau thuế	175,633,709,738	122,561,311,925	53,072,397,813	43%

❖ Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm nay tăng so với năm trước gồm:

- Ngành dệt may phục hồi nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại sau giai đoạn suy giảm, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản. Các hiệp định thương mại tự do giúp mở rộng thị trường xuất khẩu, các đơn hàng tăng trở lại từ nửa cuối năm 2024, góp phần thúc đẩy tăng trưởng. Điều này ảnh hưởng tích cực tới hoạt động kinh doanh tại Công ty, cụ thể: doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 256,604 tỷ VND (tương đương 16,45%), giá vốn hàng bán tăng 210,401 tỷ VND (tương đương 16,26%). Trong đó, chi phí nhân công tăng do điều chỉnh lương theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP, cùng với tăng chi phí bảo hiểm đã tác động làm lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 46,202 tỷ VND (tương đương 17,36%) so với năm trước.

- Trong năm 2024, đồng USD tăng giá, đã giúp Công ty có lời từ lãi tỷ giá. So với năm trước, lãi chênh lệch tỷ giá tăng 11,6 tỷ (tương đương 34%) đóng góp quan trọng vào mức tăng trưởng lợi nhuận.
- Công ty con (Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang) đã dần đi vào hoạt động ổn định, nhờ kiểm soát chi phí chặt chẽ, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả sản xuất, qua đó cải thiện đáng kể lợi nhuận so với năm trước.

Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận sau thuế như trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN THÀNH ĐỨC